

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 153/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2022

“Ly hôn; tranh chấp về nuôi con và tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đạt
2. Bà Phan Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang: Ông Huỳnh Tấn Lực – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con và tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1972, có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Việt H, sinh năm 1968, có mặt.

NKTT: Tổ 01, ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Bà Ph và ông H chung sống với nhau từ năm 1992 và không có đăng ký kết hôn. Do quá trình chung sống thường xuyên cãi vã nhau, sống không

Hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm. Nay bà Ph xin được ly hôn ông Phạm Việt H.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Phạm Thùy L, sinh ngày 06/01/1994, Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/3/1996 và Phạm Hồng Ng, sinh ngày 31/8/2005. Đối với hai con đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con tên Ng bà yêu cầu nuôi con đến trưởng thành và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Ph yêu cầu được nhận tài sản sau: 01 nền đất, nhà có chiều ngang 09m, chiều dài khoảng 22m tọa lạc tại: Tổ 03, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất) và 01 căn nhà đất dài 8m ngang khoảng 13m tọa lạc tại: Tổ 03, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất). Bà Ph đồng ý giao tài sản sau cho ông H: 01 thửa đất ruộng có diện tích 12.704,7m² tọa lạc tại: ấp Đ, xã Vĩ, huyện G, tỉnh Kiên Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY662856 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 12/7/2022 cho ông Phạm Việt H bà Nguyễn Thị Ph đứng tên.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Việt H trình bày:

Về hôn nhân: Ông H thừa nhận lời trình bày của bà Ph về hôn nhân là đúng. Nay ông đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị Ph.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Phạm Thùy L, sinh ngày 06/01/1994, Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/3/1996 và Phạm Hồng Ng, sinh ngày 31/8/2005. Đối với hai con đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo nguyện vọng của con tên Ng được sống cùng mẹ và ông đồng ý giao cho bà Ph nuôi dưỡng cháu Ngọc đến trưởng thành và ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu được nhận tài sản sau: 01 thửa đất ruộng có diện tích 12.704,7m² tọa lạc tại: ấp Đ, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY662856 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 12/7/2022 cho ông Phạm Việt H bà Nguyễn Thị Ph đứng tên. Ông đồng ý giao tài sản sau cho bà Ph: 01 nền đất, nhà có chiều ngang 09m, chiều dài khoảng 22m và 01 căn nhà đất dài 8m ngang khoảng 13m, hai diện tích đất đều tọa lạc tại

Tổ 03, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (02 diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph và không công nhận quan hệ giữa bà Ph với ông H là vợ chồng; Về con chung: Giao con cho Phụng nuôi dưỡng cháu Ng và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Ph ông H như sau: Giao cho bà Ph quản lý, sử dụng 01 nền đất, nhà có chiều ngang 09m, chiều dài khoảng 22m và 01 căn nhà đất dài 8m ngang khoảng 13m, hai diện tích đất đều tọa lạc tại Tổ 03, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (02 diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và giao cho ông H quản lý, sử dụng 01 thửa đất ruộng có diện tích 12.704,7m² tọa lạc tại: ấp Đ, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY662856 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 12/7/2022 cho ông Phạm Việt H bà Nguyễn Thị Ph đứng tên; Về nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét nên miễn xét. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Phạm Việt H có nơi cư trú tại: tổ 3, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ph và ông Phạm Việt H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa bà Ph và ông H đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa bà Ph có yêu cầu ly hôn với ông H nhưng do quan hệ hôn nhân giữa bà Ph ông H không có giá trị pháp lý nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Luật hôn nhân gia đình để xem xét không công nhận quan hệ giữa bà Ph và ông H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 03 người con chung tên Phạm Thùy L, sinh ngày 06/01/1994, Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/3/1996 và Phạm Hồng Ng, sinh ngày 31/8/2005. Cháu L và H đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Theo nguyện vọng của cháu Ng được sống cùng mẹ và sự thỏa thuận của bà Ph, ông H là giao cháu Phạm Hồng Ng, sinh ngày 31/8/2005 cho bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Ph không yêu cầu nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận bằng văn bản của bà Ph và ông H như sau: Bà Ph được nhận tài sản sau: 01 nền đất có chiều ngang 09m phía trước giáp lộ, chiều dài khoảng 22m phía sau giáp kênh hậu T3; phía hai bên giáp ông Lê Văn L và ông Nguyễn Hữu H (đất trống) và 01 căn nhà, đất dài 8m ngang 13m phía trước giáp lộ, phía sau giáp Kênh T3, phía hai bên giáp ông Lê Văn L và ông Nguyễn Hữu H đất đều tọa lạc tại: Tổ 03, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – Theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 14/10/2022 do Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương kết hợp cùng với Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Kiên Lương lập). Ông H được nhận tài sản sau: 01 thửa đất ruộng có diện tích 12.704,7m² tọa lạc ấp Đ, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY662856 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 12/7/2022 cho Ông Phạm Việt H bà Nguyễn Thị Ph đứng tên. (Theo văn bản tự thỏa thuận tài sản ngày 05 tháng 6 năm 2022).

[5] Về nợ chung: Hai bên xác nhận là không có, không yêu cầu nên miễn xét.

[6] Về chi phí đo đạc, thẩm định: Bà Ph phải chịu chi phí đo đạc là 1.000.000đ được khấu trừ vào tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) theo giấy nộp tiền ngày 26/8/2022. Hoàn trả lại số tiền lại số tiền 17.000.000đ cho bà Nguyễn Thị Ph (đã nhận xong)

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), do bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu ly hôn nên phải nộp và được khấu trừ vào án phí tạm nộp theo biên lai số: 0009110 ngày 01/8/2022. Như vậy bà Ph còn được nhận lại số tiền là 16.301.419đ (Mười sáu triệu, ba trăm lẻ một nghìn, bốn trăm mười chín đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT NINH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Ph và ông Phạm Việt H là vợ chồng.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Phạm Thùy L, sinh ngày 06/01/1994, Phạm Ngọc H sinh, ngày 13/3/1996 và Phạm Hồng Ng, sinh ngày 31/8/2005.

Đối với con tên L và H đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao con Phạm Hồng Ng, sinh ngày 31/8/2005 cho bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đây cũng là nguyện vọng của cháu Ng được sống cùng mẹ.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Ph không yêu cầu nên không xét.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung;

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận bằng văn bản của bà Ph và ông H như sau: Bà Ph được nhận tài sản sau: 01 nền đất có chiều ngang 09m phía trước giáp lộ, chiều dài khoảng 22m phía sau giáp kênh hậu T3; phía hai bên giáp ông Lê Văn L và ông Nguyễn Hữu H (đất trống) và 01 căn nhà đất dài 8m ngang 13m phía trước giáp lộ, phía sau giáp Kênh T3, phía hai bên giáp ông Lê Văn L và ông Nguyễn Hữu H, đất đều tọa lạc tại: Tổ 03, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – Theo biên bản xem xét,

thẩm định ngày 14/10/2022 do Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương kết hợp cùng với Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Kiên Lương lập). Ông H được nhận tài sản sau: 01 thửa đất ruộng có diện tích 12.704,7m² tọa lạc tại: ấp Đ, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY662856 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 12/7/2022 cho ông Phạm Việt H bà Nguyễn Thị Ph đứng tên. (Theo văn bản tự thỏa thuận tài sản ngày 05 tháng 6 năm 2022).

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Về chi phí đo đạc, thẩm định: Bà Ph phải chịu chi phí đo đạc là 1.000.000đ được khấu trừ vào tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) theo giấy nộp tiền ngày 26/8/2022. Hoàn trả lại số tiền lại số tiền 17.000.000đ cho bà Nguyễn Thị Ph (đã nhận xong)

3/ Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố Tụng Dân Sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), do bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu ly hôn nên phải nộp và được khấu trừ vào án phí tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009110 ngày 01/8/2022. Hoàn trả lại số tiền là 16.301.419đ (Mười sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn bốn trăm mười chín đồng) cho bà Nguyễn Thị Ph.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/11/2022).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án DS huyện Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu HS, tập án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Mai